

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 001090214.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nhà máy nước sạch Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, TT Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.70	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.16	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.33	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 001090214.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.22	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	7.31	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	17.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	4.53	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.027	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.140	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.41	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	32.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 001090214.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	Vết/ Trace 0.984 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	6.97	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

Handwritten signature: Hao

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 001090214.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỶNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 002090215.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Hộ gia đình Nguyễn Văn Hà, Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, TT Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.60	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.16	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.35	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 002090215.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.03	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	7.14	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	17.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	4.62	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.034	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.142	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.27	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	31.5	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 002090215.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	1.12	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	7.38	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 002090215.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 003090216.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Hộ Gia đình Hoàng Thành, Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, TT Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.40	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.19	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.37	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 003090216.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.16	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	7.23	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	18.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	4.56	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.035	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.143	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.19	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	31.5	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 003090216.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	Vết/ Trace 0.983 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	6.73	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

001-C
ÂM
HIỆM
L
IÃNH
Y TNHH
HỌC
SL
P.HỒ

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 003090216.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 004090217.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **20/11/2024**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **20/11/2024 - 16/11/2024**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **Nhà máy nước sạch Hòa Bình Chương, xã Phong Hòa, Phong Điền, TT Huế**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.70	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.11	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.57	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 004090217.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	5.78	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	21.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	2.54	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.024	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.155	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.35	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	31.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 16/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 004090217.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	1.20	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	5.14	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

3-001-C
TÂM
NGHIỆM
SL
NHÀ
TY NH
JA HỌC
TSL
-TP.HỒ

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 16/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 004090217.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Handwritten signature of Huỳnh Tấn Cường

HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 005090218.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Trạm y tế xã Phong Hòa, Phong Điền, TT Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.50	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.58	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 005090218.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.35	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	6.03	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	22.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	2.67	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.101	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.149	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.48	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	32.5	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

315-0
UNG T
M NG
TS
HI NH
NG T
KHOA
T

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 005090218.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	2.03	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	8.25	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 005090218.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Vết/ Trace 0.401 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Handwritten signature of Huỳnh Tấn Cường

HUỖNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 006090219.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Hộ gia đình Nguyễn Khoa Khuê, thôn 4, Phong Hòa, Phong Điền, TT Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.40	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.12	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.59	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 006090219.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.29	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	5.97	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	22.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	2.67	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.083	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.156	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.57	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	32.5	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 006090219.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	1.27	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	4.64	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

007
TAM
GHI
IL
HÀN
Y TN
I HOI
SL
P.K

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 006090219.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021 ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HOÀNG TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 007090220.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Hộ gia đình Hồ Đắc Trà, 86 Nguyễn Lâm, Hương Sơ, Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.20	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.14	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.41	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 007090220.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.22	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	4.72	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	14.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	3.21	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Vết/ Trace 0.017 (< LOQ = 0.02)	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.166	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	0.022	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.03	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	25.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 007090220.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	Vết/ Trace 0.776 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	4.80	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

5-007-C
 TÂM
 NGHIỆM
 SL
 HÀNH
 TỶ TÍNH
 A HỌC
 SL
 TP. HỒ

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 007090220.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021-ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 008090221.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nhà máy nước sạch Quảng Tế, 36 Thanh Hải, Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.70	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.14	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.43	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 008090221.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.16	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	4.91	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	13.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	3.48	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.044	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.160	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	0.942	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	24.5	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

4212615
TRUNG
KIỂM N
TS
CHIN
CÔNG
KHO
T
BINH-

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 008090221.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	Vết/ Trace 0.677 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	4.97	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

001-Q.T.
TÂM
HIỆM
L
IÁNH
Y TNHH
HỌC
3L
P.HỒ

Haul

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 008090221.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



LÝ BÁ HÀO



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR


HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 009090222.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 10-12 Nguyễn Văn Cừ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/11/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/11/2024 - 26/11/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh TT Huế, 10-12 Nguyễn Văn Cừ, Huế
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
1	Coliforms (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	0	CFU/100mL	-	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	0.50	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	0.12	NTU	-	SMEWW 2130 B:2023	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.5	TCVN 6185:2015	15
7	Mùi, vị (*)/ Odor, taste (*)	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.36	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5
9	Staphylococcus aureus (*)	0	CFU/100mL	-	SMEWW 9213 B:2023	< 1
10	Pseudomonas aeruginosa (*)	0	CFU/100mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
12	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022	0.7

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 009090222.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
13	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	1.16	mgO ₂ /L	-	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
14	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	4.66	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
15	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (caculated as CaCO ₃) (*)	13.0	mgCaCO ₃ /L	-	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300
16	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
17	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.1
18	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	3.31	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	200
19	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	0.029	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
20	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
21	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.165	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	2
22	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.006	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	0.05
23	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.3
24	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	1.00	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	250
25	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	25.0	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864

Mã KQ/ RP. No: 009090222.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
26	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
27	1,2-Dichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
28	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
29	Chlorotoluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	30
30	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.6
31	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
32	Bromodichloromethane (*)	Vết/ Trace 0.718 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
33	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
34	Chloroform (*)	4.60	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300

Handwritten signature

001-01
TÂM
KIỂM
NGHIỆM
HÀNH
TY TNHH
KHOA HỌC
TSL
TP. HỒ CHÍ MINH

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 4/4
Ngày ban hành/ Date of issue: 26/11/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y277K2864
Mã KQ/ RP. No: 009090222.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022 /TT-H
35	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Haol

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Huỳnh Tấn Cường
HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04